

Bản án số: **172/2020/KDTM-PT**
Ngày 18/9/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng
Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 18/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 185/2020/TLPT-KDTM ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án số 05/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 441/2020/QĐ-PT ngày 12/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 509/2020/QĐ-PT ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty E

Địa chỉ: Khu công nghiệp Q, thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông N.C.H – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà M.T.N.T – Trưởng phòng pháp chế; vắng mặt

2. Ông N.M.C – Chuyên viên Phòng pháp chế; có mặt

3. Bà V.T.T.H – Chuyên viên Phòng pháp chế; có mặt

-Bị đơn: Công ty H

Địa chỉ: đường L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đ.A.T – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B.M.Q – Giám đốc Xí nghiệp 4; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/02/2012, Công ty E cùng Xí nghiệp 4 – Chi nhánh Công ty H ký hợp đồng số: 62/HĐMBHH/1215616/11104098/DA về việc cung cấp và thi công lắp đặt các loại cửa uPVC cho công trình: Ngân hàng Nhà nước – chi nhánh L. Số lượng: 670,83 m². Tổng giá trị hợp đồng bao gồm VAT là: 1.682.797.893 đồng (*Một tỷ sáu trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng*).

Thanh toán:

- Đợt 1: Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% tổng giá trị hợp đồng ngay sau khi ký tương đương số tiền: 500.000.000 đồng;

- Đợt 2: Sau khi bên B tập kết hàng đến công trình, bên A sẽ thanh toán 70% tổng giá trị nghiệm thu.

- Đợt 3: Trong vòng 5 ngày kể từ thời điểm hoàn thiện lắp đặt toàn bộ cửa vào công trình, bên A sẽ thanh toán tiếp đến 95% tổng giá trị quyết toán.

- Đợt 4: Sau 12 tháng bảo hành, bên A sẽ thanh toán nốt số tiền cho bên B tương đương 5% giá trị của khối lượng đã lắp đặt.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty E thực hiện đúng hợp đồng đã ký, hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết, cung cấp hàng hóa, thi công lắp đặt đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, đã tiến hành nghiệm thu các hạng mục hoàn thành theo kế hoạch thi công công trình.

Ngày 28/12/2012, hai bên ký biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình trong đó xác nhận giá trị thanh quyết toán công trình như sau:

- Tổng giá trị phải thanh toán của hợp đồng là: 1.446.838.359 đồng. Bên A đã thanh toán: 500.000.000 đồng. Tổng số tiền bên A còn phải thanh toán là: 946.838.359 đồng. Ngày 22/11/2013, bên A thanh toán: 70.000.000 đồng. Ngày 03/10/2015, bên A thanh toán: 100.000.000 đồng. Ngày 30/9/2016, hai bên ký

biên bản đối chiếu công nợ trong đó xác định tổng số tiền nợ gốc còn phải thanh toán là 776.838.359 đồng.

Kể từ khi đến hạn thanh toán các hợp đồng trên, Công ty E đã nhiều lần làm việc trực tiếp và đôn đốc bằng văn bản nhưng Xí nghiệp 4 – Chi nhánh Công ty H vẫn không hợp tác trả nợ và không có lộ trình thanh toán khả thi. Căn cứ quy định tại khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng có quy định về phạt vi phạm hợp đồng trong trường hợp bên A chậm thanh toán phải chịu lãi chậm thanh toán 0,05%/ ngày.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ quy định về hợp đồng xây dựng: *Trong trường hợp Bên giao thầu chậm thanh toán thì phải bồi thường cho Bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho Bên nhận thầu.*

Xí nghiệp 4 – Chi nhánh Công ty H sẽ phải chịu phạt vi phạm hợp đồng vì chậm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng nêu trên theo mức phạt 0,05%/ ngày trên số tiền chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Xí nghiệp 4 – Chi nhánh Công ty H là đơn vị trực tiếp ký hợp đồng, nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng và giá trị lắp đặt theo hợp đồng với Công ty E. Theo Luật Doanh nghiệp và Bộ luật Dân sự thì Chi nhánh không có tư cách pháp nhân nên Doanh nghiệp có chi nhánh sẽ phải chịu trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ do Chi nhánh xác lập và thực hiện giao dịch với bên thứ ba. Vì vậy, Công ty E khởi kiện đối với Công ty H đề nghị Tòa án giải quyết buộc: Công ty H phải thanh toán ngay cho Công ty E tổng số tiền cả gốc và lãi của hợp đồng, trong đó gồm: Khoản tiền còn phải thanh toán nợ gốc của hợp đồng là: 776.838.359 đồng. Khoản tiền lãi chậm thanh toán tính trên số tiền nợ gốc là 795.079.508 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 1.571.917.867 đồng.

Ngoài ra, Công ty E không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Ngày 06/02/2012, Công ty E (nay là Công ty E) cùng Xí nghiệp 4 – Chi nhánh Công ty H ký Hợp đồng số: 62/HĐMBHH/1215616/11104098/DA về việc cung cấp và thi công lắp đặt các loại cửa uPVC cho công trình: Ngân hàng Nhà nước – chi nhánh L. Giá trị thanh toán hợp đồng là 1.446.838.359 đồng.

Thời điểm ký hợp đồng năm 2012 là ông Nguyễn Đức Hoàn (nguyên Giám đốc xây dựng 45). Ngày 22/11/2013, ông Hoàn đã chỉ đạo thanh toán cho Công ty E 2 đợt: Đợt 1: 500.000.000 đồng (tạm ứng), đợt 2: 70.000.000 đồng. Số tiền thanh quyết toán hợp đồng với chủ đầu tư, ông Hoàn đã sử dụng sai mục đích

khác, hiện nay bản thân ông Hoàn đang bị Cục điều tra Hình sự các tổ chức sự nghiệp giam giữ điều tra trong vụ án tham nhũng tại Xí nghiệp 4. Năm 2015, tuy tình hình Xí nghiệp 4 rất khó khăn, nhưng Xí nghiệp đã thu xếp trả thêm cho Công ty E 100.000.000 đồng nữa. Như vậy số nợ gốc còn lại là 776.838.359 đồng.

Xí nghiệp 4 hiện đang chờ bàn giao quyết toán công trình Ngân hàng Công thương L. Khi có nguồn tiền về, chúng tôi sẽ làm việc với Công ty E để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Công nợ từ công trình xây dựng năm 2010, do thời gian rất lâu, hiện nay công trình xây dựng có nhiều hạng mục phải sửa chữa nhưng chưa thực hiện xong vì vậy bên chủ đầu tư chưa giải ngân, Công ty H chưa có tiền thanh toán công nợ cho nguyên đơn. Đề nghị nguyên đơn cho thời gian để các bên thống nhất phương án thanh toán nợ, nếu không thống nhất được đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 05/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 68; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 427, Điều 476 - Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Luật xây dựng năm 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009;)

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm d Mục 3 Phần I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty E đối với Công ty H.

2. Buộc Công ty H phải trả cho Công ty E số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 776.838.359đ (Bảy trăm bảy sáu triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm lăm chín đồng) và tiền lãi chậm thanh toán của số tiền nợ gốc tính từ ngày 05/01/2013 đến ngày 28/02/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 1.054.931.940đ (Một tỷ không trăm năm mươi tư triệu, chín trăm ba một nghìn chín trăm bốn mươi đồng). Tổng cộng là: 1.831.770.299đ (Một tỷ tám trăm ba mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn hai trăm chín chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 - Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Công ty H phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.953.108đ (sáu sáu triệu chín trăm lăm ba nghìn một trăm linh tám đồng).

Công ty E được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002986 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện Công ty E, Công ty H. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty H kháng cáo với những lý do sau:

- Công ty E chưa hoàn thành nghĩa vụ về thủ tục đề nghị thanh toán với Xí nghiệp 4 - Chi nhánh Công ty H theo hợp đồng.

- Số tiền Xí nghiệp 4 - Chi nhánh Công ty H còn phải trả cho Công ty E xác nhận tại thời điểm năm 2016 là 776.000.000 đồng, việc tính lãi từ năm 2013 không hợp lý.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Cần xác định lại quan hệ tranh chấp là vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng. Về số tiền nợ gốc: Bị đơn thừa nhận số tiền nợ gốc 776.838.339 đồng. Việc bị đơn cho rằng nguyên đơn không có hóa đơn nên bị đơn không thể thanh toán là không có căn cứ. Về nợ lãi: Lãi suất được quy định

trong hợp đồng mà các bên tự nguyện ký kết. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty H được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty E với Công ty H phát sinh từ hợp đồng số 62/HĐMBHH/1215616/11104098/DA ngày 06/02/2012 về việc cung cấp và thi công lắp đặt các loại cửa uPVC cho công trình Ngân hàng Nhà nước chi nhánh L, nên là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty H có trụ sở tại đường L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hợp đồng số 62/HĐMBHH/1215616/11104098/DA ngày 06/02/2012 được ký kết giữa Công ty E với Công ty H trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thi hành.

Xét toàn bộ nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 06/02/2012 Công ty E do ông Nguyễn Văn Tuấn giám đốc là đại diện và Xí nghiệp 4 - Chi nhánh Công ty H do ông Nguyễn Đức Hoàn giám đốc làm đại diện ký hợp đồng số 62/HĐMBHH/1215616/11104098/DA về việc cung cấp và thi công lắp đặt các loại cửa UPVC cho công trình Ngân hàng Nhà nước chi nhánh L.

Sau khi ký kết hợp đồng các bên tiến hành thực hiện nội dung đã thỏa thuận và đến ngày 28/12/2012 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình, xác nhận tổng giá trị của hợp đồng là 1.446.838.359 đồng. Chi nhánh Công ty H đã thanh toán 500.000.000 đồng, còn lại 946.838.359 đồng chưa thanh toán.

Từ ngày 22/11/2013 đến ngày 03/10/2015 Chi nhánh Công ty H thanh toán thêm được 2 đợt tổng là 170.000.000 đồng.

Ngày 30/9/2016 Công ty E với Chi nhánh Công ty H lập biên bản đối chiếu công nợ và xác định Chi nhánh Công ty H còn nợ Công ty E là 776.838.359 đồng.

Án sơ thẩm buộc Công ty H phải trả cho Công ty E số tiền 776.838.359 đồng là có căn cứ.

Xét số tiền lãi do chậm thanh toán:

-Về thời điểm tính lãi do chậm thanh toán: Mặc dù các bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán trong hợp đồng theo từng đợt, nhưng khi kết thúc từng đợt các bên không lập biên bản xác định số tiền phải thanh toán, số tiền đã thanh toán và số tiền còn lại chưa thanh toán. Ngày 28/12/2012 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình. Sau đó, Công ty H đã tiếp tục thanh toán 70.000.000 đồng vào ngày 22/11/2013; 100.000.000 đồng vào ngày 03/10/2015. Đến ngày 30/9/2016 hai bên mới ký biên bản đối chiếu công nợ, trong đó xác định tổng số tiền nợ gốc còn phải thanh toán là 776.838.359 đồng. Như vậy, cần xác định thời điểm tính lãi do chậm thanh toán là thời điểm hai bên ký biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2016, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm.

-Xét mức lãi suất 0,05%/ngày trên số tiền chậm thanh toán mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó số tiền do chậm nghĩa vụ thanh toán được tính từ ngày 30/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2020 là: $776.838.359 \text{ đồng} \times 0,05\%/\text{ngày} \times 1246 \text{ ngày} = 483.970.297 \text{ đồng}$ nên buộc Công ty H phải thanh toán.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 427, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Công ty H. Sửa một phần bản án số 05/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty E đối với Công ty H.

2. Buộc Công ty H phải trả cho Công ty E:

- Tiền nợ gốc là: 776.838.359 đồng

- Tiền lãi do chậm thanh toán là: 483.970.297 đồng

Tổng cộng là: 1.260.808.656 đồng

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty H phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 49.824.259 đồng

Công ty E phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 26.838.465 đồng, trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002986 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội, nên được trả lại 13.161.535 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm:

Trả lại Công ty H số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số AA/2016/0017649 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận H, tp Hà Nội;
- TAND quận H, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn

